

Cao Bằng, ngày 25 tháng 7 năm 2024

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 22

Phần C.II. Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam

Ngày thi: 22/6/2024

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Nông Thị Anh	7,50	Bảy phẩy năm	41	Ngô Thị Ngọc Linh	7,75	Bảy phẩy bảy năm
2	Nông Thị Ao	7,50	Bảy phẩy năm	42	Hoàng Thị Mai	7,75	Bảy phẩy bảy năm
3	Nông Thị Bạch	7,25	Bảy phẩy hai năm	43	Nguyễn Phương Mai	8,00	Tám
4	Lục Thị Châm	7,50	Bảy phẩy năm	44	Nông Thị Niệm	7,50	Bảy phẩy năm
5	Lê Kiên Chung	8,00	Tám	45	Dương Thị Ngân	7,50	Bảy phẩy năm
6	Hoàng Thị Chuyên		<i>Thôi học</i>	46	Phạm Thị Nhân	7,00	Bảy
7	Phan Đoàn Dân	7,00	Bảy	47	Triệu Thị Nháy		<i>Hoãn thi</i>
8	Hà Thị Phương Dung	8,00	Tám	48	Phùng Tồn Nhất	6,75	Sáu phẩy bảy năm
9	Vi Thị Dung	7,50	Bảy phẩy năm	49	Chu Thị Nhậ	7,75	Bảy phẩy bảy năm
10	Bê Thị Dung	7,00	Bảy	50	Hoàng Thị Nhiệm	7,50	Bảy phẩy năm
11	Luân Tuấn Đạt	7,50	Bảy phẩy năm	51	Nông Thị Hồng Nhung	7,75	Bảy phẩy bảy năm
12	Nông Tiến Đạt	8,00	Tám	52	Phạm Thị Lưu Như	7,00	Bảy
13	Trần Văn Đạt	7,75	Bảy phẩy bảy năm	53	Thẩm Thị Phúc	7,25	Bảy phẩy hai năm
14	Lưu Chí Đức	7,00	Bảy	54	Hoàng Thúy Quỳnh	8,00	Tám
15	Tổ Thị Giang	7,50	Bảy phẩy năm	55	Hứa Mạnh Toàn	7,00	Bảy
16	Đào Thị Hạnh	7,75	Bảy phẩy bảy năm	56	Đỗ Thị Thanh Tú	7,00	Bảy
17	Chu Thị Hảo	8,00	Tám	57	Phùng Ngọc Tú	7,50	Bảy phẩy năm
18	Hoàng Thị Tú Hiền	7,50	Bảy phẩy năm	58	Mông Tô Tuyên	7,00	Bảy
19	Hoàng Thị Hiền	7,25	Bảy phẩy hai năm	59	Nông Văn Tư	7,25	Bảy phẩy hai năm
20	Nông Trung Hiếu	8,00	Tám	60	Lâm Đức Thành	7,00	Bảy
21	Hà Thị Hoa	8,00	Tám	61	Lôi Thị Thao	7,50	Bảy phẩy năm
22	Đàm Thị Phương Hoà	8,00	Tám	62	Lý Thị Thảo	6,75	Sáu phẩy bảy năm

23	Mã Xuân Hợp	7,00	Bảy	63	Lâm Thu Thiều	8,00	Tám
24	Lý Thị Hợp	8,00	Tám	64	Chu Thị Thơm	7,00	Bảy
25	Trịnh Minh Huệ	8,00	Tám	65	Phạm Bằng Thuận	6,50	Sáu phẩy năm
26	Nông Lý Huệ	7,50	Bảy phẩy năm	66	Hà Thị Thu	8,25	Tám phẩy hai năm
27	Hoàng Mạnh Hùng	7,50	Bảy phẩy năm	67	Lương Thị Thanh Thủy	7,50	Bảy phẩy năm
28	Hà Văn Huy	8,00	Tám	68	Hoàng Thu Thủy	7,75	Bảy phẩy bảy năm
29	Hoàng Văn Hưng	7,00	Bảy	69	Trần Thị Thu Thúy	8,00	Tám
30	Nông Thị Hương	7,75	Bảy phẩy bảy năm	70	Nông Thị Thúy	7,25	Bảy phẩy hai năm
31	Đàm Thị Thu Hương	7,50	Bảy phẩy năm	71	Lê Thị Thương	8,25	Tám phẩy hai năm
32	Hứa Thị Hương	7,50	Bảy phẩy năm	72	Nguyễn Thị Trang	8,00	Tám
33	Ma Nông Hữu	6,50	Sáu phẩy năm	73	Chu Thị Huyền Trang	8,00	Tám
34	Nông Thị Kiều	7,25	Bảy phẩy hai năm	74	Triệu Thị Trâm	8,25	Tám phẩy hai năm
35	Vương Văn Khuyên	7,25	Bảy phẩy hai năm	75	Bàn Hữu Trung	6,25	Sáu phẩy hai năm
36	Lục Thị Lan	7,25	Bảy phẩy hai năm	76	Hoàng Lê Vân	8,00	Tám
37	Nông Hồng Lanh	8,00	Tám	77	Trần Văn Việt	7,00	Bảy
38	Long Thị Lãnh	7,50	Bảy phẩy năm	78	Hoàng Văn Vinh	7,75	Bảy phẩy bảy năm
39	Nông Văn Lâm	7,25	Bảy phẩy hai năm	79	Hoàng Xuân Vũ	7,50	Bảy phẩy năm
40	Nguyễn Thị Tú Lệ	8,00	Tám	80	Hoàng Thị Hải Yến		<i>Thôi học</i>

Điểm 6,25: 01 điểm; Điểm 6,50: 02 điểm; Điểm 6,75: 02 điểm; Điểm 7,00: 13 điểm; Điểm 7,25: 09 điểm; Điểm 7,50: 19 điểm; Điểm 7,75: 09 điểm; Điểm 8,00: 19 điểm; Điểm 8,25: 03 điểm./.

GHI ĐIỂM

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH

K/T HIỆU TRƯỞNG

K/T TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thu Hằng

Nông Văn Dũng

Hoàng Việt Hưng